

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị.

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các đề án, dự án trong Phụ lục (kèm theo).

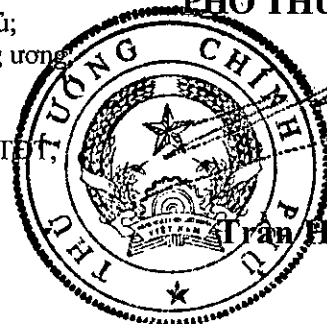
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2). Q.Cường 40

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là *Quy hoạch tỉnh*). Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo nội dung quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu, phương án phát triển ngành, lĩnh vực đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia; kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình theo hướng bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (hạ tầng giao thông; đê điều, thủy lợi; đô thị; điện; khu kinh tế; khu, cụm công nghiệp;...).

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá; tập trung thực hiện các dự án có tính chất động lực thúc đẩy hình thành bốn trụ cột tăng trưởng theo phương án quy hoạch.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch và các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của tỉnh.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Dự án đầu tư công

a) Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, thúc đẩy liên kết với các tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng, nhất là các tỉnh Nam Định, Hải Dương, Hà Nam, Hưng Yên, thành phố Hải Phòng, tạo nên tầng bền vững trong thu hút đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng cấp điện; cấp nước; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các trung tâm đô thị lớn được xác định trong Quy hoạch tỉnh. Huy động các nguồn lực tập trung xây dựng hạ tầng và phát triển Khu kinh tế Thái Bình thành trọng điểm, động lực phát triển kinh tế của tỉnh theo quy hoạch chung. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo đột phá phát triển, đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp và hướng tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự chủ về đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội công lập; cơ sở cai nghiện; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực khoa học và công nghệ; các công trình, dự án thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; quốc phòng, an ninh; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hạ tầng số, hạ tầng viễn thông thụ động, hạ tầng bưu chính, hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin,...; bố trí quỹ đất, triển khai các dự án đầu tư xây dựng doanh trại, trụ sở cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đồng thời phát triển hệ thống cung cấp nước chữa cháy, các loại hình giao thông và hệ thống thông tin, liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ,...

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư được xác định căn cứ vào các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển và phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực được xác định trong Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh, gồm:

- Xây dựng các công trình cảng biển, bến cảng đường thủy nội địa, hạ tầng bưu chính, logistics, cảng cạn;

- Xây dựng hạ tầng năng lượng; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp;

- Các dự án đầu tư phát triển vùng kinh tế biển, ven biển;

- Xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Các dự án xây dựng hạ tầng thương mại - dịch vụ hiện đại, dịch vụ chất lượng cao;

- Các dự án cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, đô thị và nông thôn;

- Các dự án đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và đảm bảo an sinh xã hội, thông tin và truyền thông;

- Các dự án về xử lý rác thải, nước thải và giảm ô nhiễm môi trường;
- Các dự án công nghiệp công nghệ cao, điện, điện tử, trung tâm dữ liệu tập trung; công nghiệp cơ khí chế biến, chế tạo, ô tô,...

b) Chú trọng ưu tiên thu hút các dự án đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh (*năng lượng, chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông thủy sản, ...*), sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao; dự án sử dụng lao động trình độ cao; dự án tạo nguồn thu ngân sách lớn và ổn định. Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu quốc gia và toàn cầu, có năng lực tài chính mạnh, có khả năng đầu tư lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Thực hiện phân kỳ quy hoạch sử dụng đất cho từng kỳ kế hoạch 05 năm 2021-2025 và 2026-2030 bảo đảm tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất theo đề xuất của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

b) Tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm và bền vững đất đai với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt theo đúng định hướng của Quy hoạch tỉnh.

4. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP khoảng 13,4% bình quân hằng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tỉnh Thái Bình cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 814.000 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò chủ đạo; nguồn vốn khu vực nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, định hướng để thu hút các nguồn lực khu vực ngoài nhà nước, cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Tổng cộng	237.000	577.000
- Nguồn vốn khu vực nhà nước	21% (tương đương 49.800 tỷ đồng)	14% (tương đương 80.800 tỷ đồng)
- Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	69% (tương đương 163.500 tỷ đồng)	70% (tương đương 403.900 tỷ đồng)
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	10% (tương đương 23.700 tỷ đồng)	16% (tương đương 92.300 tỷ đồng)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể; ấn định khối lượng, số lượng các hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Thái Bình bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, cơ chế chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực cần thiết của tỉnh; thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trong đó chú trọng phát triển các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hiện đại, quy mô lớn, nông nghiệp hữu cơ, hiệu quả cao.

c) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ, lao động, việc làm, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Đổi mới mạnh mẽ các hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm; thay đổi cách thức tiếp cận các đối tác nước ngoài có năng lực; chú trọng công tác tư vấn, hỗ trợ đầu tư. Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chú trọng việc thông qua các doanh nghiệp FDI đã đầu tư thành công trên địa bàn tỉnh để quảng bá về tiềm năng và cơ hội đầu tư tới cộng đồng doanh nghiệp nước sở tại, xây dựng được thương hiệu đầu tư vào Thái Bình trong cộng đồng doanh nghiệp FDI.

b) Đẩy mạnh các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, nút thắt, vướng mắc trong thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền. Giải quyết kịp thời các kiến nghị, đề xuất của nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Xúc tiến, mời gọi, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, điện tử, chế biến nông sản, cơ khí chế tạo,... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp, khu dịch vụ (đường giao thông, cấp điện, cấp nước...). Chủ động thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để tạo điều kiện, hỗ trợ cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ đề ra.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư đến tìm hiểu và triển khai dự án đầu tư tại tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/ giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, vi phạm pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia”, Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tăng cường các hoạt động tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về công tác cải cách quản lý nguồn nhân lực, lấy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động làm phương châm chính trong quản lý nhân sự.

b) Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng hệ thống các trường học và đội ngũ giáo viên, học sinh. Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục trong điều hành chi ngân sách hàng năm của tỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục ngoài công lập chất lượng cao. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kỹ năng, chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới.

c) Phát triển thị trường lao động theo hướng ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đặc biệt là các ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao,... Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng, thiết bị; tiếp tục phát huy và nâng cao năng lực hoạt động của sản giao dịch việc làm. Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực để kết nối trực tiếp giữa doanh nghiệp và người lao động.

d) Cùng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm theo thế mạnh của tỉnh. Thực hiện công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

đ) Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động hoặc trung gian, triển khai đào tạo nghề theo hình thức kết hợp các chương trình chia sẻ nguồn lực đào tạo giữa các doanh nghiệp và liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực của doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi của tỉnh nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.

e) Nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, kỷ luật hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Thực hiện

phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, các cấp, các ngành trong thực thi nhiệm vụ công vụ.

g) Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực điều hành, quản trị cho doanh nhân, chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tư vấn, hỗ trợ về hồ sơ thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh cũng như các thủ tục đăng ký đầu tư, thủ tục cấp giấy phép kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuộc các lĩnh vực chuyên ngành.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển một số ngành công nghiệp có công nghệ hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có khả năng đóng góp lớn cho nguồn thu ngân sách, thân thiện với môi trường, có tác động lan tỏa, mang tính đột phá, xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất.

b) Phát triển thị trường khoa học công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy sự liên thông của thị trường khoa học công nghệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn... Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của xã hội đối ứng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước tài trợ một phần kinh phí.

c) Đầu tư nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm. Tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư để đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng. Chú trọng khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

d) Đảm bảo cân đối ngân sách bố trí cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để bảo đảm đủ nguồn lực để phát huy hiệu quả vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Triển khai kịp thời các chính sách về hỗ trợ tạo việc làm, đào tạo nghề cho lao động tại doanh nghiệp; hỗ trợ giảm nghèo, ưu tiên các hộ không có khả năng lao động, hộ cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi đối với người có công; khuyến

khích hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới do khó khăn đột xuất.

b) Thực hiện đào tạo, đào tạo lại các ngành, nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo, kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện chính sách quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

c) Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách hỗ trợ mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên,... Huy động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

d) Thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, quan tâm hơn nữa chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng.

6. Về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước

a) Về bảo vệ môi trường

- Triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường; chủ động kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; đặc biệt quản lý chặt chẽ các nguồn thải từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở phát sinh nguồn thải lớn.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường đến các tổ chức, cá nhân, nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của toàn xã hội, ý thức tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép về môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phối hợp thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phòng, chống tội phạm về môi trường giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, cơ quan thanh tra và công an tỉnh.

- Triển khai kế hoạch phân loại chất thải tại nguồn, thực hiện biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ

thuật và các quy định về bảo vệ môi trường. Bố trí quỹ đất, giao đất để triển khai đầu tư xây dựng và vận hành các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định; tập trung xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đô thị hóa bền vững, phát triển và chỉnh trang đô thị gắn với hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (đầu tư khu xử lý nước thải tập trung, phân loại chất thải, sử dụng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo,...).

- Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất; bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản.

- Quản lý hiệu quả Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy và Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải; bảo vệ hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học nhằm phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học.

- Thiết lập mạng lưới quan trắc môi trường cấp tỉnh thống nhất, đồng bộ với mạng lưới quan trắc môi trường cấp quốc gia; thực hiện chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn quản lý.

b) Về tài nguyên nước

- Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý tài nguyên nước, thiết lập các cơ chế chính sách trong việc khai thác, sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt và lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp.

- Rà soát bổ sung xây dựng hoàn thiện mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên nước nhằm có được thông tin hiện trạng nguồn nước và kiểm soát lượng nước phân bổ cho các đối tượng sử dụng nước.

- Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, kết hợp với công tác kiểm tra đột xuất; xử lý kịp thời, triệt để các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác, sử dụng và gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh đảm bảo các loại nước thải khác được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành tương đương với chất lượng nước nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp bảo vệ nguồn nước dưới đất, phục hồi cải tạo và bổ cập nhân tạo vào các tầng chứa nước: Bổ cập cho tầng chứa nước từ nguồn nước mưa; bổ cập cho tầng chứa nước nhiễm mặn từ nước mưa, nước mặt...

- Xây dựng hệ thống mốc theo chỉ giới thoát lũ; thường xuyên tu bổ và nâng cấp các tuyến đê, công dưới đê, kè, nạo vét làm thông thoáng lòng sông, kênh và xử lý đột xuất các sự cố sạt lở bờ sông; hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các đơn vị trong quản lý đầu tư công.

b) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên ngân sách tỉnh để đầu tư các công trình, dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa, liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội...

c) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

d) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu bền vững, giảm dần tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính...) phục vụ nhu cầu của thị trường, nhằm tăng thu ngân sách bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

đ) Phát triển mạnh mẽ, đa dạng các thành phần kinh tế, nhất là thành phần kinh tế tư nhân, tạo động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy và cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh trên cơ sở cập nhật, liên thẩm chặt chẽ với Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹; Đề án xây dựng lực lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự và lực lượng dân quân các xã ven biển đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; rà

¹ Tại Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 và Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ

soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thái Bình theo đúng kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 430/TB-VPCP ngày 23/10/2023. Bố trí các công trình quốc phòng theo các hướng dẫn, quy định của Bộ Quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự xã hội; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng trụ sở, nơi làm việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an cấp xã và phù hợp với lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2030; thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng phòng cháy chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình:

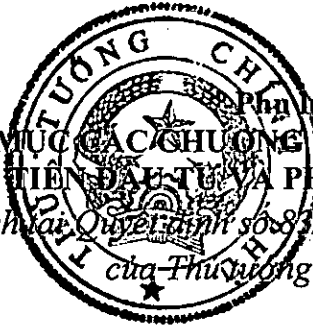
a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, ngành trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; (iii) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có); (iv) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Thái Bình; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình tới từng sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thái Bình.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN DỰ KIẾN
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN**
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 83/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
A	Chương trình, dự án tỉnh phối hợp với Bộ, ngành trung ương, các tỉnh liên quan				
1	Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)	X	X	Vốn đầu tư công, các nguồn vốn khác và theo kế hoạch đầu tư của Bộ GTVT	
2	Đường vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, đoạn trên địa phận tỉnh Thái Bình (CT.39)	X	X		
3	Đầu tư, nâng cấp cải tạo hệ thống quốc lộ trên địa bàn tỉnh 39, 39B, QL37B (nâng cấp cải tạo QL.39 lên 04 làn xe; nâng cấp cải tạo QL.37B từ thị trấn Thanh Nê đến phà Cồn Nhất; đầu tư đường tỉnh ĐT.452 (QL.39B quy hoạch)	X	X		
B	Chương trình, dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của tỉnh				
I	Nhóm chương trình ưu tiên thực hiện				
1	Chương trình chuyển đổi số, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	X	X	X	X
2	Chương trình phát triển các cụm ngành kinh tế biển, ven biển tỉnh Thái Bình	X	X	X	X
3	Chương trình phát triển nhân lực chất lượng cao tỉnh Thái Bình	X	X	X	X
4	Chương trình phát triển hạ tầng quan trọng của tỉnh Thái Bình	X	X	X	X
5	Chương trình phát triển công nghiệp	X	X	X	X
6	Chương trình du lịch nông nghiệp nông thôn	X	X	X	X
7	Chương trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình	X	X	X	X
8	Chương trình nông thôn mới (giai đoạn 2)	X	X	X	X
II	Nhóm hạ tầng kỹ thuật				
1	<i>Giao thông</i>				

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
1.1	Đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình	X		X	X
1.2	Luồng hàng hải, đường thủy nội địa (kè chắn sóng, bùn cát bồi cửa sông Diêm Hộ; nạo vét luồng sông Diêm Hộ, khơi thông luồng tuyến kết nối hướng biển; nạo vét cồn cạn chắn cửa sông Trà Lý, khơi thông luồng tuyến kết nối hướng biển)	X	X	X	X
1.3	Đường tỉnh là trục động lực phát triển: ĐT.467, ĐT.469, ĐT.454, ĐT.464, ĐT.468 (giai đoạn 2).	X	X	X	X
1.4	Tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến đường trục kết nối với các khu chức năng trong Khu kinh tế Thái Bình	X	X	X	
1.5	Xây dựng hạ tầng Khu bến cảng Diêm Điền	X	X	X	X
1.6	Xây dựng cụm cảng thủy nội địa Thái Bình	X	X		X
1.7	Sân bay chuyên dụng ven biển Thái Bình		X	X	X
1.8	Dự án đầu tư xây dựng cảng Ba Lạt (trong đó có quy hoạch dự án kho xăng dầu cảng Ba Lạt quy mô dưới 5.000 m ³)	X	X		X
2	Năng lượng				
2.1	Hạ tầng truyền tải điện quốc gia (trạm 500KV, đường dây 500KV)	X	X	X	X
2.2	Hạ tầng truyền tải điện 220KV, 110KV	X	X	X	X
2.3	Dự án phát triển điện gió		X		X
2.4	Dự án điện rác	X	X		X
2.5	Dự án điện mặt trời mái nhà	X	X		X
2.6	Hạ tầng ống dẫn khí		X		X
2.7	Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình	X	X		X
3	Đô thị				
3.1.	Chương trình phát triển đô thị	X	X	X	X
3.2.	Hạ tầng đô thị thông minh	X	X	X	X
3.3	Đường vành đai các đô thị	X	X	X	X
3.4.	Chương trình phát triển nhà ở đô thị	X	X	X	X
3.5	Đề án phát triển và mở rộng không gian thành phố Thái Bình	X	X	X	X
3.6	Chương trình cấp nước đô thị	X	X	X	X
3.7	Chương trình nâng cấp hạ tầng xử lý nước thải đô thị	X	X	X	X

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
4	Thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu				
4.1	Xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống đê sông, đê cửa sông, đê biển, cống dưới đê, kè bảo vệ đê, kè bảo vệ bãi sông, công trình phụ trợ đê điều và các công trình phòng chống thiên tai	X	X	X	X
4.2	Xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn	X	X	X	X
III	Nhóm hạ tầng kinh tế				
1	Hạ tầng công nghiệp				
1.1	Hạ tầng KCN trong KKT (KCN Hải Long, KCN VSIP, KCN Hưng Phú, KCN Liên Hà Thái (phần khu Nam), KCN Tiên Hải 2, KCN Tiên Hải (phần mở rộng), KCN Sông Lô, KCN Thụy Trường, KCN Thái Thượng, KCN Trà Xuyên, KCN Hoàng Xuyên, KCN Đông Long, KCN Thái Đô 1 và các KCN khác)	X	X		X
1.2	Hạ tầng KCN ngoài KKT (Hạ tầng KCN Cầu Ngàn; Hạ tầng KCN Thaco - Thái Bình; Hạ tầng KCN Dược - Sinh học; Hạ tầng KCN Logistics và các KCN khác)	X	X		X
1.3	Hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	X	X		X
2	Hạ tầng nông nghiệp				
2.1	Hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	X	X	X	X
2.2	Trung tâm công nghệ cao sản xuất, kinh doanh cây trồng an toàn theo chuỗi giá trị	X	X	X	X
2.3	Hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao		X	X	X
2.4	Khu dịch vụ tổng hợp thuộc Quy hoạch Khu nuôi trồng thủy sản chất lượng cao	X	X	X	X
2.5	Dự án xây dựng khu chăn nuôi tập trung công nghệ an toàn sinh học	X	X	X	X
2.6	Dự án sản xuất rau sạch, an toàn	X	X		X
2.7	Dự án đầu tư xây dựng trang trại nuôi trồng thủy sản, kết hợp chăn nuôi lợn và trồng cây dược liệu	X	X		X
2.8	Dự án đầu tư phát triển hạ tầng các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	X	X	X	X
3	Hạ tầng thương mại, dịch vụ và du lịch				
3.1	Trung tâm Hội chợ triển lãm		X	X	X

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
3.2	Trung tâm dịch vụ logistics: TP. Thái Bình, Thái Thụy, Tiền Hải, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ	X	X		X
3.3	Khu dịch vụ thương mại (thuộc quy hoạch Khu phố biển Đông Châu)		X		X
3.4	Khu dịch vụ (thuộc dự án Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hải Long)	X	X		X
3.5	Khu dịch vụ tập trung Đông Hoàng, Nam Cường, Nam Hưng, Nam Phú		X		X
3.6	Các trung tâm du lịch nghỉ dưỡng				
3.6.1	Hạ tầng Khu du lịch Cồn Vành				
-	Khu thương mại dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, resort nghỉ dưỡng (thuộc Khu Đô thị - Du lịch - Nghỉ dưỡng - Sân gôn Cồn Vành - Cồn Thủ)	X	X		X
3.6.2	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển Cồn Đen		X		X
3.6.3	Khu du lịch sinh thái Thụy Trường		X		X
3.6.4	Hạ tầng phát triển du lịch biển kết hợp du lịch sinh thái, tâm linh tại các xã Thụy Hải, Thụy Xuân, Thụy Trường, huyện Thái Thụy	X	X	X	X
3.6.5	Khu du lịch phố biển Đông Châu		X	X	X
3.6.6	Khu du lịch cộng đồng gắn với làng nghề Bách Thuận	X	X	X	X
3.6.7	Khu dịch vụ tổng hợp, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, sân gôn				
-	Sân gôn Cồn Vành	X	X		
-	Sân gôn Quỳnh Lâm	X	X		
-	Sân gôn Trà Giang		X		X
-	Sân gôn Hồng Minh		X		
3.7	Phát triển các sản phẩm du lịch				
3.7.1	Kinh tế ban đêm	X	X	X	X
3.7.2	Điểm du lịch Chùa Keo	X	X	X	X
3.7.3	Du lịch cộng đồng trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với văn minh lúa nước	X	X	X	X
3.7.4	Tuyến du lịch sông Trà Lý	X	X	X	X
3.7.5	Tuyến du lịch tham quan, trải nghiệm làng nghề (chạm bạc Đông Xâm, đũi Nam Cao,	X	X	X	X

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	mây tre đan Thượng Hiền, Làng Khuốc, thêu Minh Lãng, bánh cáy Nguyễn Xá, chiếu Hời, đúc đồng An Lộng, thảm len Đại Đồng, đan mũ Tây An...)				
4	Hạ tầng khoa học công nghệ				
4.1	Xây dựng khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình	X		X	
4.2	Xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	X		X	X
4.3	Cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hạ tầng thông tin thông kê khoa học và công nghệ, khu nghiên cứu, khu thực nghiệm...	X	X	X	X
4.4	Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	X	X	X	
IV	Nhóm hạ tầng xã hội				
1	Y tế				
1.1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa tỉnh tại Khu trung tâm Y tế tỉnh Thái Bình	X	X	X	X
1.2	Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng Bệnh viện Tim mạch 200 giường; Bệnh viện Ung bướu 150 giường		X	X	X
1.3	Xây mới trụ sở hoạt động cho các trung tâm: Cấp cứu 115, Giám định Y khoa, Giám định Pháp y		X	X	X
1.4	Nâng cấp, xây dựng bệnh viện chuyên khoa: Phụ Sản, Nhi, Mắt, Phổi, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Tâm thần, Da liễu, Bệnh viện Tim mạch, Bệnh viện Đột quỵ	X	X	X	X
1.5	Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật; đầu tư trang thiết bị để bổ sung cho Toà nhà Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	X		X	X
1.6	Đầu tư mở rộng nâng cấp, cải tạo đầu tư trang thiết bị các Bệnh viện Đa khoa tuyến huyện	X	X	X	X
1.7	Xã hội hóa nâng cấp, mở rộng cơ sở y tế tư nhân	X	X		X
1.8	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế trên địa bàn tỉnh	X	X	X	X
1.9	Đầu tư trang thiết bị chuyển đổi số (bệnh án điện tử, hệ thống lưu trữ và truyền thông		X	X	X

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	hình ảnh (PACS), Khám chữa bệnh từ xa, quản lý y tế cơ sở, phát hiện cảnh báo dịch bệnh...) của ngành Y tế Thái Bình				
1.10	Trung tâm Nghiên cứu phát triển Vắc xin đạt tiêu chuẩn Quốc tế	X	X	X	X
1.11	Bệnh viện Đa khoa tư nhân	X	X		X
2	Văn hóa, thể dục thể thao				
2.1	Bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Khu lăng mộ và đền thờ các vị vua triều Trần	X	X	X	X
2.2	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Thái Bình	X	X	X	X
3	Giáo dục				
3.1	Phát triển hệ thống trường chuyên, trường chất lượng cao		X	X	X
3.2	Nâng cấp hệ thống trường các cấp đạt tiêu chuẩn quốc gia	X	X	X	X
3.3	Xã hội hóa đầu tư xây dựng các trường ngoài công lập	X	X		X
3.4	Chương trình tiếng Anh tăng cường và Ngoại ngữ 2	X	X	X	X
4	An sinh xã hội				
4.1	Trung tâm Công tác xã hội và bảo trợ xã hội	X	X	X	X
4.2	Trung tâm bảo trợ xã hội người khuyết tật	X		X	X
4.3	Cơ sở cai nghiện ma túy công lập	X		X	X
4.4	Trường Trung cấp nghề dành cho người khuyết tật	X	X	X	X
4.5	Làng trẻ em SOS Thái Bình		X	X	X
4.6	Xây dựng các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập	X	X		X
4.7	Trung tâm dưỡng lão tiêu chuẩn quốc tế		X	X	X
5	Đào tạo - Lao động				
5.1	Thành lập Phân viện Học viện nông nghiệp		X	X	X
5.2	Trường Cao đẳng nghề chất lượng cao Thái Bình		X	X	X
5.3	Chương trình đào tạo nghề chất lượng cao gắn với thu hút đầu tư công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình		X	X	X
5.4	Trung tâm dữ liệu thông tin thị trường lao động, dự báo cung - cầu lao động, khu điều	X	X	X	X

STT	Tên chương trình, dự án, công trình	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021-2025	2026-2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	hành và đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động, giải quyết chính sách bảo hiểm thất nghiệp				
5.5	Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề để giải quyết việc làm cho người khuyết tật tại Trường Trung cấp nghề cho người khuyết tật tỉnh Thái Bình	X		X	X
V	Nhóm bảo vệ môi trường				
1	Bảo vệ môi trường đất, nước, không khí				
1.1	Dự án đầu tư trồng mới rừng vùng bãi triều ven biển: trồng mới 1.000 ha và trồng bổ sung 500 ha		X	X	X
1.2	Dự án đầu tư giảm chất thải nhựa trong du lịch thông qua giảm sử dụng túi nilon khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần	X	X	X	X
2	Bảo vệ môi trường biển				
2.1	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy		X	X	X
2.2	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải		X	X	X

Ghi chú:

(1) Việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án phải đảm bảo tuân thủ Luật Đất đai; đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc triển khai thực hiện các dự án năng lượng (điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió, điện khí, nhiệt điện): Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Về tên gọi, quy mô, diện tích sử dụng đất, tổng mức đầu tư, nguồn vốn của các chương trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và phê duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(3) Đối với các chương trình, dự án không thuộc danh mục các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư thì thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện./.